

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về các trường hợp và thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 17 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung và một số mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 19/TTr-STP ngày 25 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về các trường hợp và thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp).

2. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp là cơ sở để người có thẩm quyền xác định chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. UBND các cấp; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Quyết định này không áp dụng đối với các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc; cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Cán bộ, công chức được phân công trực tiếp làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp lập đề nghị chi hỗ trợ khi đảm bảo được một trong các điều kiện sau:

a) Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do đơn vị, địa phương xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý đã thi hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hồ sơ vụ vi phạm hành chính;

b) Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã có kết luận kiểm tra hoặc kết luận thanh tra của cơ quan thẩm quyền;

c) Giám đốc Sở Tư pháp hoặc Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đã ban hành văn bản trả lời, nhận xét, cho ý kiến pháp lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính liên quan.

2. Cơ sở để chi hỗ trợ là xác nhận của người có thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp trên cơ sở đề nghị thanh toán của cán bộ, công chức được phân công trực tiếp làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

3. Chỉ thực hiện chi hỗ trợ 01 lần đối với 01 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp cho cán bộ, công chức được phân công trực tiếp làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị sau:

a) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

b) Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Cơ quan thực hiện nhận xét, cho ý kiến pháp lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp

1. Các từ ngữ quy định trong khoản 2 Điều này được hiểu như sau:

a) *Nhiều tình tiết phức tạp* là trường hợp có từ hai tình tiết phức tạp trở lên trong một vụ vi phạm hành chính;

b) *Nhiều tổ chức, cá nhân* là trường hợp có từ hai tổ chức hoặc hai cá nhân trở lên hoặc trường hợp vừa có tổ chức, vừa có cá nhân trong một vụ vi phạm hành chính;

c) *Nhiều hành vi vi phạm hành chính* là trường hợp có từ hai hành vi vi phạm hành chính trở lên trong một vụ vi phạm hành chính.

2. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ thuộc trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau hoặc hồ sơ thuộc trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm trong cùng một ngành mà một trong các hành vi đó vượt quá thẩm quyền của người xử phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Hồ sơ thuộc trường hợp vi phạm hành chính do nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính hoặc thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Hồ sơ do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án và chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

d) Hồ sơ thuộc trường hợp thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; hoặc hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp phải gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng không được quá 30 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

đ) Hồ sơ thuộc trường hợp vụ vi phạm hành chính đã công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

e) Hồ sơ thuộc trường hợp đã tổ chức định giá hoặc giám định tang vật, phương tiện vi phạm hành chính từ hai lần trở lên để phục vụ cho việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn cần có thời gian kiểm tra, xác minh đánh giá hoặc tham khảo ý kiến các cơ quan chuyên môn liên quan;

g) Hồ sơ thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, nhưng đã ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc đã nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước có giá trị từ 25.000.000 đồng trở lên;

h) Hồ sơ thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, nhưng đã ra quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thẩm quyền xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phức tạp

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã xác định đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do người có thẩm quyền tại đơn vị, địa phương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Người được giao nhiệm vụ trưởng đoàn hoặc chủ trì thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính xác định đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Giám đốc Sở Tư pháp xác định đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khi Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu hoặc Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị; Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện xác định đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính khi Chủ tịch UBND cấp huyện yêu cầu hoặc Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này;

trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, các đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị